TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS - ST
Ngày: 27 - 6 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thảo và ông Phạm Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST - HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST - HS, ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với:

Bị cáo Phùng Trung Đ, sinh năm 1992 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn M, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Duy H và bà Mai Thị H1; vợ là Doãn Thị Khánh L có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2010/HSST ngày 26/8/2010 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh B xử phạt bị cáo 07 tháng 16 ngày tù bằng với thời hạn tạm giam về tội Trộm cắp tài sản (Thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 - đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến ngày 18/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- *Bị hại:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1983 và chị Trương Thị L1, sinh năm 1984; đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C1, xã S, huyện Q, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ ngày 09/3/2019 Phùng Trung Đ đi xe đạp đến khu vực thôn C, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội để xin việc làm tại các xưởng mộc. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày Đức đi vào xưởng mộc nhà anh Vũ Văn T, sinh năm 1983 ở thôn C, xã V, huyện P thì thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS BKS: 51R5 – 5124 màu đỏ đen vẫn cắm chìa ở ổ khóa điện dựng tại sân không có ai trông giữ. Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy này nên đã mang xe đạp đến nhà bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961(ở gần xưởng nhà anh T) gửi rồi quay lại xưởng nhà anh T trộm cắp chiếc xe máy đi về nhà ở thôn M, xã V, huyện P. Về đến nhà Đ mở cốp xe vừa trộm cắp được thấy bên trong có đăng ký xe mang tên Phạm Văn Đ1, chứng minh thư nhân dân và thẻ y tế mang tên Trương Thị L1. Sau đó Đ mang chiếc xe máy trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa xe máy thuộc địa phận thôn N, xã V1, huyện T1, Thành phố Hà Nội của anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú tại thôn C1, xã S, huyện Q, tỉnh N và nói với anh T2 do cãi nhau với vợ nên muốn bán chiếc xe máy đồng thời Đ đưa cho anh T2 xem đăng ký xe và chứng minh thư nhân dân mang tên Trương Thị L1. Anh T2 kiểm tra số khung và số máy trùng khớp với đăng ký xe nên đã đồng ý mua chiếc xe máy với giá 5.000.000 đồng. Sau khi bán được chiếc xe, Đ về nhà để lại trên giường chứng minh thư nhân dân và thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trương Thị L1 sau đó vào tỉnh P1 chơi. Đến ngày 09/4/2019 Đ ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra, ngày 10/3/2019 anh Đỗ Văn T2 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy cùng đăng ký xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P để trao trả cho vợ chồng anh Vũ Văn T, chị Trương Thị L1. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ được chiếc xe đạp Đ đã bỏ lại nhà bà X, trả lại cho ông Phùng Văn H1 (bố của Đ); thu giữ chứng minh thư nhân dân, thẻ bảo hiểm y tế tại nhà Đ, trả lại cho chị Trương Thị L1.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 21/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS BKS 51R5 – 5124 số khung 9027Y – 623256, số máy C09E – 5723115, xe cũ đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 28/CT - VKS ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Phùng Trung Đ về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản được trừ đi thời gian tạm giữ; về trách nhiệm dân sự do phía bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên trách nhiệm dân sự

không đặt ra; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên... trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dụng vụ án:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung kết luận của cơ quan điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng và của chính bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ như: Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Biên bản thu giữ vật chứng, Biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự...có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 07 giờ 09/3/2019 tại xưởng mộc của nhà anh Vũ Văn T ở thôn C, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của gia đình anh T, Phùng Trung Đ đã trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS BKS 51R5 – 5124 trị giá 4.500.000 đồng của gia đình anh T sau đó mang bán cho anh Đỗ Văn T lấy tiền tiêu sài. Với các hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Phùng Trung Đ ra trước Tòa để xét xử về tội Trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, tội danh và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ đã không chỉ trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, bản thân bị cáo có từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học, nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ sự coi thường, bất chấp pháp luật…Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở về con đường lương thiện đồng thời cũng để làm gương cho người khác.

Khi lượng hình, cân nhắc đến việc bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình tố tụng tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin

giảm nhẹ hình phạt...là tình tiết quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo để chứng tỏ sự nhân đạo của pháp luật.

Do bị cáo thu nhập không ổn định, kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền là hợp lẽ.

Đối với anh Đỗ Văn T1 là người đã có hành vi mua chiếc xe máy do bị cáo trộm cắp. Quá trình điều tra làm rõ được anh T1 không biết chiếc xe là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Viện kiểm sát không đề cập đến việc xử lý anh T1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp là chiếc xe máy Honda Wave RS BKS 51R5 – 5124 cùng đăng ký xe và chứng minh thư nhân dân, thẻ bảo hiểm y tế mang tên chị Trương Thị L1 đã được thu hồi trả lại cho bị hại anh Vũ Văn T và chị Trương Thị L1, phía anh T, chị L1 không có yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T1 cũng không đề nghị bị cáo phải hoàn trả số tiền mua bán xe. Vì vậy trách nhiệm dân sự trong vụ án không đặt ra.

Đối với chiếc xe đạp màu bạc mà Đ sử dụng để đi trộm cắp, quá trình điều tra xác định được thuộc sở hữu của ông Phùng Văn H1 (bố của Đ), ông H1 không biết Đ sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe đạp này cho ông H1 là hợp lẽ.

Ngoài hình phạt, bị cáo còn phải chịu khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phùng Trung Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử:

Phạt bị cáo Phùng Trung Đ 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thụ hình được trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ.

3. Áp dụng Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phùng Trung Đ phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Trung tâm Lý lịch tư pháp TW - Bộ Tư pháp;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Anh Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**